

Phụ lục I:

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG

Lĩnh vực: Trồng trọt - Bảo vệ thực vật

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 663/QĐ-BNN-KN ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. MÔ HÌNH: SẢN XUẤT NGÔ SINH KHỐI

I- Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư		<i>Tính cho 01 ha</i>			
1.1	Giống ngô lai	kg	25- 28	Lai F1	Theo QTKT
1.2	Đạm nguyên chất (N)	kg	180		- Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành; - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
1.3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	100		
1.4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	100		
1.5	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.200	TCCS	
1.6	Thuốc bảo vệ thực vật	1000đ	1.000	TCCS	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	01		Cho 1 vụ
	- Thời gian/lần	ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	5 - 10		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	4		Cho 1 vụ
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Hội nghị	01		Cho 01 tỉnh
	- Tổng kết	Hội nghị	01		Cho dự án

II. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	1,0	

III- Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	01	Cho 01 tỉnh/vụ
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt

2. MÔ HÌNH: ỨNG DỤNG PHÂN HỮU CƠ NANO TRONG SẢN XUẤT LÚA VÀ RAU

2.1. MÔ HÌNH: ỨNG DỤNG PHÂN HỮU CƠ NANO TRONG SẢN XUẤT LÚA

I- Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư		<i>Tính cho 01 ha</i>			- Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành; - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
1.1	Giống	kg	50	Cấp XN	
1.2	Phân hữu cơ sinh học			TCCS	
	- Sản xuất vụ thứ nhất	kg	3.000		
	- Sản xuất lặp lại vụ thứ hai	kg	2.500		
	- Sản xuất lặp lại vụ thứ ba	kg	1.200		
1.3	Phân hữu cơ Nano	Gram	35	TCCS	
1.4	Thuốc trừ sâu sinh học (Neem Ferno, ...)	Lít	4	TCCS	
1.5	Thuốc trừ bệnh sinh học	1.000đ	700	TCCS	
2- Chỉ triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	01		Cho 1 vụ
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	5 - 10		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	5		1 vụ
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Hội nghị	01		Cho 01 tỉnh
	- Tổng kết	Hội nghị	01		Cho 1 dự án

II. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	1,0	

III- Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	01	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt

2.2. MÔ HÌNH: ỨNG DỤNG PHÂN HỮU CƠ NANO TRONG SẢN XUẤT BẮP CẢI, SÚP LƠ AN TOÀN

I- Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư		<i>Tính cho 01 ha</i>			- Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành; - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
1.1	Giống: - Hạt giống	kg	0,4	TCCS	
	Hoặc: - Cây giống	cây	33.000	TCCS	
1.2	Phân hữu cơ sinh học			TCCS	
	- Sản xuất vụ thứ nhất	kg	3.000		
	- Sản xuất lặp lại vụ thứ hai	kg	2.000		
	- Sản xuất lặp lại vụ thứ ba	kg	1.000		
1.3	Phân hữu cơ Nano	Gram	25	TCCS	
1.4	Thuốc trừ sâu sinh học (Neem Ferno, ...)	Lít	4	TCCS	
1.5	Thuốc trừ bệnh sinh học	1.000đ	500	TCCS	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	01		Cho 1 vụ
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	2 - 3		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	4		1 vụ
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Hội nghị	01		Cho 01 tỉnh
	- Tổng kết	Hội nghị	01		Cho 1 dự án

II. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	1,0	

III- Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	01	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt

2.3. MÔ HÌNH: ỨNG DỤNG PHÂN HỮU CƠ NANO TRONG SẢN XUẤT CẢI ĂN LÁ CÁC LOẠI AN TOÀN

I- Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư		<i>Tính cho 01 ha</i>			- Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành; - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
1.1	Hạt giống	kg	6	TCCS	
1.2	Phân hữu cơ sinh học			TCCS	
	- Sản xuất vụ thứ nhất	kg	1.500		
	- Sản xuất lặp lại vụ thứ hai	kg	1.000		
	- Sản xuất lặp lại vụ thứ ba	kg	500		
1.3	Phân hữu cơ Nano	Gram	25	TCCS	
1.4	Thuốc trừ sâu sinh học (Neem Ferno, ...)	lít	3	TCCS	
1.5	Thuốc trừ bệnh sinh học	1.000đ	500	TCCS	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	01		Cho 1 vụ
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	2 - 3		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	2		1 vụ
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Hội nghị	01		Cho 01 tỉnh
	- Tổng kết	Hội nghị	01		Cho 1 dự án

II. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	1,0	

III- Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	01	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt

3. MÔ HÌNH ỨNG DỤNG GIÁ THẺ ĐỀ SẢN XUẤT RAU, QUẢ
3.1 MÔ HÌNH: ỨNG DỤNG GIÁ THẺ ĐỀ SẢN XUẤT DƯA THƠM
(DƯA VÂN LƯỚI, DƯA VÀNG,...)

I- Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư		<i>Đơn vị tính: cho 01 ha</i>			- Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành - N, P ₂ O ₅ , K ₂ O nguyên chất trong phân tổng hợp có thể chứa SW, ME,...
1.1	Giá thể:				
	- Xơ dừa	tấn	40		
	- Hỗn hợp đất	m ³	33		
1.2	Hạt giống	hạt	22.000-23.000	Hạt lai F1	
1.3	Đạm nguyên chất (N)	kg	135		
1.4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	125		
1.5	Ka li nguyên chất (K ₂ O)	kg	135		
1.6	MgSO ₄	kg	300		
1.7	Ca(NO ₃) ₂	kg	50		
1.8	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	1.000	Theo TCCS	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	01		Cho 1 vụ
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	2 - 3		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	4		Cho 1 vụ
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Hội nghị	01		Cho 01 tỉnh
	- Tổng kết	Hội nghị	01		Cho dự án

II. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	1,0	

III- Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	01	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt

3.2. MÔ HÌNH: ỨNG DỤNG GIÁ THẺ ĐỀ SẢN XUẤT DỪA CHUỘT

I- Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư		<i>Tính cho 01 ha</i>			- Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành - N, P ₂ O ₅ , K ₂ O nguyên chất trong phân tổng hợp có thể chứa SW, ME,...
1.1	Giá thể:				
	- Xơ dừa	tấn	30		
	- Hỗn hợp đất	m ³	100		
1.2	Hạt giống	hạt	22.000-23.000	Hạt lai F1	
1.3	Đạm nguyên chất (N)	kg	135		
1.4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	125		
1.5	Ka li nguyên chất (K ₂ O)	kg	135		
1.6	MgSO ₄	kg	100		
1.7	Ca(NO ₃) ₂	kg	50		
1.8	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	1.000	Theo TCCS	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	01		Cho 1 vụ
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	2 - 3		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	4		Cho 1 vụ
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Hội nghị	01		Cho 01 tỉnh
	- Tổng kết	Hội nghị	01		Cho 1 dự án

II. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	1,0	

III- Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	01	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt

3.3. MÔ HÌNH: ỨNG DỤNG GIÁ THỂ ĐỂ SẢN XUẤT CÀ CHUA

I- Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư		<i>Tính cho 01 ha</i>			- Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành - N, P ₂ O ₅ , K ₂ O nguyên chất trong phân tổng hợp có thể chứa SW, ME,...
1.1	Giá thể:				
	- Xơ dừa	tấn	35		
	- Hỗn hợp đất	m ³	66		
1.2	Hạt giống	hạt	22.000-23.000	TCCS	
1.3	Đạm nguyên chất (N)	kg	190		
1.4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	190		
1.5	Ka li nguyên chất (K ₂ O)	kg	190		
1.6	MgSO ₄	kg	400		
1.7	Ca(NO ₃) ₂	kg	50		
1.8	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	1.000	TCCS	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	01		Cho 1 năm
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	1,5 - 3		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Hội nghị	01		Cho 01 tỉnh
	- Tổng kết	Hội nghị	01		Cho 1 dự án

II. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	1,0	

III- Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	01	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt

4. MÔ HÌNH: SẢN XUẤT MĂNG TÂY THEO HƯỚNG HỮU CƠ

I- Xây dựng mô hình

Thời kỳ	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư			<i>Tính cho 01 ha</i>			
Năm thứ nhất	1.1	Hạt giống	Hạt	18.500	TCCS	- Mức Hỗ trợ theo quy định hiện hành; - Không hỗ trợ cọc bê tông - Phân hữu cơ sinh học/vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
		Hạt giống trồng dặm	Hạt	3.500	TCCS	
	1.2	Vật tư làm giàn				
		- Cọc	cây	1.200	Cao 1,5m	
		- Sợi dây cước PE	kg	160		
		- Dây buộc (cước PE)	kg	30		
	1.3	Đạm nguyên chất (N)	kg	345		
	1.4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	288		
	1.5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	300		
	1.6	Phân hữu cơ sinh học	kg	4.000	TCCS	
	1.7	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.500	TCCS	
	1.8	Chế phẩm BVTV sinh học	kg	10	TCCS	
Năm thứ hai	1.1	Đạm nguyên chất (N)	kg	345		
	1.2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	288		
	1.3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	325		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000	TCCS	
	1.5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	750	TCCS	
	1.6	Chế phẩm BVTV sinh học	kg	10	TCCS	
2- Chi triển khai						
	2.1	Tập huấn kỹ thuật				Năm 1 và 2
		- Số lần	Lần	01		Cho 1 năm
		- Thời gian/lần	Ngày	01		
	2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	1,5 - 2		01 cán bộ
	2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm
	2.4	Sơ kết, tổng kết				
		- Sơ kết	Hội nghị	01		Cho 01 tỉnh
		- Tổng kết	Hội nghị	01		Cho 1 dự án

II. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tập huấn nhân rộng			
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	- Tham quan, hội thảo	Lần	01	Cho 01 tỉnh/năm
2	- Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt



5. MÔ HÌNH: NHÂN GIỐNG LẠC

I- Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư		<i>Tính cho 01 ha</i>			
1.1	Giống lạc (quả giống)	kg	220	QCVN 01-48: 2011/BNNPTNT	- Mức Hỗ trợ theo quy định hiện hành; - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
1.2	Nilon che phủ (tùy theo vụ)	kg	100		
1.3	Đạm nguyên chất (N)	kg	46		
1.4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	120		
1.5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	90		
1.6	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.000	TCCS	
1.7	Vôi bột	kg	500		
1.8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	TCCS	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	01		Cho 1 vụ
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	2 - 3		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	5		1 vụ
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Hội nghị	01		Cho 01 tỉnh
	- Tổng kết	Hội nghị	01		Cho 1 dự án

II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	01	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt

6. MÔ HÌNH: SẢN XUẤT LẠC

I- Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư		<i>Tính cho 01 ha</i>			
1.1	Giống lạc (quả giống)	kg	220	TCCS	- Mức Hỗ trợ theo quy định hiện hành; - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
1.2	Nilon che phủ (tùy theo vụ)	kg	100		
1.3	Đạm nguyên chất (N)	kg	46		
1.4	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	120		
1.5	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	90		
1.6	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.000	TCCS	
1.7	Vôi bột	kg	500		
1.8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	TCCS	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	01		Cho 1 vụ
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	5 - 10		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	5		1 vụ
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Hội nghị	01		Cho 01 tỉnh
	- Tổng kết	Hội nghị	01		Cho 1 dự án

II- Nhân rộng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tập huấn nhân rộng			
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	1,0	
2	Thông tin tuyên truyền			
	- Tham quan, hội thảo	Lần	01	Cho 01 tỉnh/năm
	- Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt



7. MÔ HÌNH: TRỒNG, THÂM CANH NHÃN, VẢI THEO GAP/VietGAP

I- Xây dựng mô hình

Thời kỳ	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư			Tính cho 01 ha			
Năm 1/ năm 2	1.1	Giống trồng mới	cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 25cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	1.2	Giống trồng dặm	cây	20		
	1.3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	70		Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	1.4	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	65		
	1.5	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	90		
	1.6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.7	Vôi bột	kg	400		
	1.8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm 3	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	92		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	65		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	120		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm 4 trở đi	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	140		
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	100		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	210		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	
2- Chi triển khai						
2.1	Tập huấn kỹ thuật					
	- Số lần/năm		Lần	1		Năm 1, năm 2
	- Thời gian/lần		Ngày	1		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật		ha	5		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai		tháng	9		Cho 1 năm
2.4	Sơ kết, tổng kết					
	- Sơ kết		Hội nghị	1		Cho 1 tỉnh
	- Tổng kết		Hội nghị	1		Cho dự án

II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian thực hành	Ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	1	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được phê duyệt



8. MÔ HÌNH: TRỒNG, THÂM CANH XOÀI THEO GAP/VietGAP

I- Xây dựng mô hình

Thời kỳ	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yên cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư			Tính cho 01 ha			
Năm 1/ năm 2	1.1	Giống trồng mới	cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	1.2	Giống trồng dặm	cây	20		
	1.3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	90		Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	1.4	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	65		
	1.5	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	90		
	1.6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.7	Vôi bột	kg	400		
	1.8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm 3	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	120		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	80		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	240		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm thứ 4 trở đi	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	250		
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	100		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	200		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Túi bao trái	Cái	70.000	TCCS	
	1.6	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	
2- Chi triển khai						
	2.1	Tập huấn kỹ thuật				
		- Số lần/năm	Lần	1		Năm 1, năm 2
		- Thời gian/lần	Ngày	1		
	2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	5		01 cán bộ
	2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm
	2.4	Sơ kết, tổng kết				
		- Sơ kết	Hội nghị	1		Cho 01 tỉnh
		- Tổng kết	Hội nghị	1		Cho dự án

II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian thực hành	Ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	1	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt



9. MÔ HÌNH: TRỒNG, THÂM CANH MÍT THEO GAP/VietGAP

I- Xây dựng mô hình

Thời kỳ	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yên cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư			Tính cho 01 ha			
Năm 1/ năm 2	1.1	Giống trồng mới	cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	1.2	Giống trồng dặm	cây	20		
	1.3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	200		Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	1.4	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	100		
	1.5	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	100		
	1.6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.7	Vôi bột	kg	400		
	1.8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm thứ 3	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	240		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	240		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	240		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm thứ 4 trở đi	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	280		
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	280		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	280		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	
2- Chi triển khai						
	2.1	Tập huấn kỹ thuật				
		- Số lần/năm	Lần	1		Năm 1, năm 2
		-Thời gian/lần	Ngày	1		
	2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	5		01 cán bộ
	2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm
	2.4	Sơ kết, tổng kết				
		-Sơ kết	Hội nghị	1		Cho 01 tỉnh
		-Tổng kết	Hội nghị	1		Cho dự án



II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian thực hành	Ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	1	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt



10. MÔ HÌNH: TRỒNG, THÂM CANH CHÔM CHÔM THEO GAP/VietGAP

I- Xây dựng mô hình

Thời kỳ	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yên cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư			Tính cho 01 ha			
Năm 1/ năm 2	1.1	Giống trồng mới	cây	210	Cây giống ghép, mầm ghép ≥25cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	1.2	Giống trồng dặm	cây	10		
	1.3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	70		Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	1.4	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	65		
	1.5	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	60		
	1.6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.7	Vôi bột	kg	200		
	1.8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm thứ 3	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	110		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	65		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	90		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm thứ 4 trở đi	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	180		
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	130		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	210		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	
2- Chi triển khai						
	2.1	Tập huấn kỹ thuật				
		- Số lần/năm	Lần	1		Năm 1, năm 2
		- Thời gian/lần	Ngày	1		
	2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	5		01 cán bộ
	2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm
	2.4	Sơ kết, tổng kết				
		- Sơ kết	Hội nghị	1		Cho 01 tỉnh
		- Tổng kết	Hội nghị	1		Cho dự án

II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian thực hành	Ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	1	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt



11. MÔ HÌNH: TRỒNG, THÂM CANH SÀU RIÊNG THEO GAP/VietGAP

I- Xây dựng mô hình

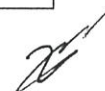
Thời kỳ	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư			Tính cho 01 ha			
Năm 1/ năm 2	1.1	Giống trồng mới	cây	200	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	1.2	Giống trồng dặm	cây	10		
	1.3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	46		Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	1.4	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	32		
	1.5	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	40		
	1.6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.7	Vôi bột	kg	200		
	1.8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm thứ 3	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	70		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	32		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	60		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm thứ 4 trở đi	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	90		
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	40		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	90		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	
2- Chi triển khai						
	2.1	Tập huấn kỹ thuật				
		- Số lần/năm	Lần	1		Năm 1, năm 2
		- Thời gian/lần	ngày	1		
	2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	5		01 cán bộ
	2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm
	2.4	Sơ kết, tổng kết				
		- Sơ kết	Hội nghị	1		Cho 01 tỉnh
		- Tổng kết	Hội nghị	1		Cho dự án

II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian thực hành	Ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	1	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được phê duyệt



12. MÔ HÌNH: TRỒNG, THÂM CANH MĂNG CỤT THEO GAP/VietGAP

I- Xây dựng mô hình

Thời kỳ	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư			Tính cho 01 ha			
Năm 1/ năm 2	1.1	Giống trồng mới	cây	200	Cây giống ghép, mầm ghép ≥25cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	1.2	Giống trồng dặm	cây	10		
	1.3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	50		Lượng vật tư sử dụng cho từng năm
	1.4	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	35		
	1.5	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	40		
	1.6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.7	Vôi bột	kg	200		
	1.8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm 3	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	90		Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	35		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	60		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm thứ 4 trở đi	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	230		
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	100		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	200		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	TCCS	
2- Chi triển khai						
	2.1	Tập huấn kỹ thuật				
		- Số lần/năm	Lần	1		Năm 1, năm 2
		- Thời gian/lần	Ngày	1		
	2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	5		01 cán bộ
	2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm
	2.4	Sơ kết, tổng kết				
		- Sơ kết	Hội nghị	1		Cho 01 tỉnh
		- Tổng kết	Hội nghị	1		Cho dự án

II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian thực hành	Ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Hội nghị	1	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt



13. MÔ HÌNH: TRỒNG, THÂM CANH BƠ THEO GAP/VietGAP

I- Xây dựng mô hình

Thời kỳ	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư			Tính cho 01 ha			
Năm 1/ năm 2	1.1	Giống trồng mới	cây	200	Cây giống ghép, mầm ghép ≥25cm	Giống hỗ trợ năm thứ nhất
	1.2	Giống trồng dặm	cây	10		
	1.3	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	50		- Lượng vật tư sử dụng cho từng năm - Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
	1.4	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	35		
	1.5	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	40		
	1.6	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000	TCCS	
	1.7	Vôi bột	kg	500		
	1.8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	TCCS	
Năm thứ 3 trở đi	1.1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	90		
	1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	70		
	1.3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	120		
	1.4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	TCCS	
	1.5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.500	TCCS	
2- Chi triển khai						
	2.1	Tập huấn kỹ thuật				
		- Số lần/năm	Lần	1		Năm 1, năm 2
		- Thời gian/lần	Ngày	1		
	2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	5		01 cán bộ
	2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm
	2.4	Sơ kết, tổng kết				
		- Sơ kết	Hội nghị	1		Cho 01 tỉnh
		- Tổng kết	Hội nghị	1		Cho dự án

II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian thực hành	Ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	1	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo thuyết minh dự án được duyệt

14. MÔ HÌNH: VƯỜN ƯƠM SẢN XUẤT CÂY GIỐNG CHANH LEO SẠCH BỆNH**I- Xây dựng mô hình**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
I- Vườn ghép sản xuất cây giống		Tính cho 01 ha			
1.1	Hạt giống chanh leo	kg	4,5	Hạt chanh leo hoa vàng	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	Giá thể TS2	kg	31.500		
1.3	Khay ươm 104	chiếc	900		
1.4	Khay 15 lỗ	chiếc	6.030		
1.5	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	25		
1.6	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	24		
1.7	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	24		
1.8	Túi bầu	kg	300	10 x15cm	
1.9	Phân bón lá	lít	45		
1.10	Mắt ghép	mắt	300.000	Sạch bệnh	
1.11	Giấy ghép	cuộn	36		
1.12	Thuốc BVTV	1.000đ	5.000	TCCS	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	1		Cho 1 năm
	- Thời gian/lần	Ngày	1		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	1		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Hội nghị	1		Cho 01 tỉnh
	- Tổng kết	Hội nghị	1		Cho dự án

II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian thực hành	Ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	1	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, Clip, sách kỹ thuật			Theo TMĐA được duyệt

15. MÔ HÌNH: THÂM CANH CHÈ THEO HƯỚNG HỮU CƠ TỪ NĂM THỨ 4 TRỞ ĐI

I- Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng		Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
			Chè Shan tập trung	Chè giống mới		
1- Hỗ trợ giống, vật tư		Tính cho 01 ha/năm				
1.2	Phân hữu cơ vi sinh	kg	9.000	10.000	TCCS	- Mức Hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.3	Phân bón lá sinh học	lít	15	20		
1.4	Thuốc BVTV sinh học	1.000 đ	3.000	3.000		
2- Chi triển khai						
2.1	Tập huấn kỹ thuật					
	- Số lần	lần	1			Cho 1 năm
	- Thời gian/lần	ngày	1			
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	3 - 5			01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	9			Cho 1 năm
2.4	Sơ kết, tổng kết					
	- Sơ kết	lần	1			Cho 1 tỉnh
	- Tổng kết	lần	1			Cho 1 dự án

II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	ngày	2,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian thực hành, tham quan	ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	1	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật			Theo TMDA được duyệt

16. MÔ HÌNH: TRỒNG CHÈ THEO HƯỚNG HỮU CƠ

I- Xây dựng mô hình

Thời kỳ	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng		Yêu cầu chất lượng	Ghi chú	
				Chè Shan tập trung	Chè giống mới			
1- Hỗ trợ giống, vật tư			Tính cho 01 ha/năm					
Năm 1	1.1	Giống trồng mới	bầu	18.000	22.000	TCVN 11041-6:2018	- Mức Hỗ trợ theo quy định hiện hành - Phân hữu cơ vi sinh khi thay thế sang phân hữu cơ sinh học hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó	
	1.2	Giống trồng dặm (5%)	bầu	900	1.100			
	1.3	Cây che bóng	Cây	200	200			
	1.4	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	5.500	7.000	TCCS		
	1.5	Thuốc BVTV sinh học	1.000 đ	1.000	1.000			
Năm 2	1.6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.500	3.000	TCCS		
	1.7	Thuốc BVTV sinh học	1.000 đ	1.500	1.500			
Năm 3	1.8	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	3.500	TCCS		
	1.9	Thuốc BVTV sinh học	1.000 đ	2.000	2.000			
2- Chỉ triển khai								
	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú		
	2.1	Tập huấn kỹ thuật						
		- Số lần/năm	lần	1		Năm 1 và năm 2		
		- Thời gian/lần	ngày	1				
	2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	3 - 5		01 cán bộ		
	2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm		
	2.4	Sơ kết, tổng kết						
		- Sơ kết	lần	1		Cho 1 tỉnh		
		- Tổng kết	lần	1		Cho cả dự án		

II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	ngày	2,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian thực hành, tham quan	ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	ngày	1	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật			Theo Thuyết minh dự án được duyệt

**17. MÔ HÌNH: THÂM CANH CÀ PHÊ THEO HƯỚNG HỮU CƠ
TỪ NĂM THỨ 5 TRỞ ĐI**

I- xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư		Tính cho 01 ha/năm			
1.1	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.000	TCCS	- Mức Hỗ trợ theo quy định hiện hành; Phân hữu cơ vi sinh khi thay thế sang phân hữu cơ sinh học hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó
1.2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	60	Lân nung chảy	
1.3	Phân Ka li hữu cơ (25% K ₂ O)	kg	220	TCCS	
1.4	Phân hữu cơ khoáng	kg	1.200		
1.5	Phân bón lá hữu cơ	lít	2		
1.6	Vôi bột	kg	400		
1.7	Thuốc BVTV	1.000 đ	3.000	TCCS	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	lần	1		Cho 1 năm
	- Thời gian/lần	ngày	1		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	3 - 5		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	lần	1		Cho 1 tỉnh
	- Tổng kết	lần	1		Cho 1 dự án

II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	ngày	2,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian thực hành, tham quan	ngày	1,0	

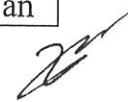
III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	ngày	1	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật			Theo Thuyết minh dự án được duyệt

18. MÔ HÌNH: TRỒNG MỚI, TRỒNG THAY THỂ ĐIỀU

I- Xây dựng mô hình

Thời kỳ	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, vật tư			<i>Tính cho 01 ha</i>			
Năm 1	1.1	Giống trồng mới	cây	400	TCVN 10684-3:2018	- Mức Hỗ trợ theo quy định hiện hành;
	1.2	Giống trồng dặm (5%)	cây	20		
	1.3	Đạm nguyên chất (N)	kg	60		
	1.4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	24		
	1.5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	24		
	1.6	Vôi bột	kg	400		
	1.7	Thuốc Bảo vệ thực vật	1.000 đ	1.000	TCCS	
Chăm sóc năm 2	1.1	Đạm nguyên chất (N)	kg	72		
	1.2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	24		
	1.3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	24		
	1.4	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	TCCS	
Chăm sóc năm 3	1.1	Đạm nguyên chất (N)	kg	72		
	1.2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	24		
	1.3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	48		
	1.4	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	TCCS	
2- Chi triển khai						
	2.1	Tập huấn kỹ thuật				
		- Số lần/năm	lần	1		Năm 1, năm 2
		- Thời gian/lần	ngày	1		
	2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	3 - 5		01 cán bộ
	2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm
	2.4	Sơ kết, tổng kết				
		- Sơ kết	cuộc	1		Cho 1 tỉnh
		- Tổng kết	cuộc	1		Cho dự án



II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian thực hành, tham quan	ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	ngày	1	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật			Theo Thuyết minh dự án được duyệt



**19. MÔ HÌNH: THÂM CANH ĐIỀU THỜI KỲ KINH DOANH
TỪ NĂM THỨ 5 TRỞ ĐI**

I- Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng	Ghi chú
1- Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư		Tính cho 01 ha			
1.1	Đạm nguyên chất (N)	kg	127		- Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	35		
1.3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	68		
1.4	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	3.000	TCCS	
1.5	Chế phẩm ra hoa đậu trái	1.000 đ	3.000		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần/năm	lần	1		Năm 1, năm 2
	- Thời gian/lần	ngày	1		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha	3 - 5		01 cán bộ
2.3	Thời gian triển khai	tháng	9		Cho 1 năm
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	lần	1		Cho 1 tỉnh
	- Tổng kết	lần	1		Cho dự án

II- Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	ngày	1,0	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	ngày	1,0	

III. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Lần	01	Cho 01 tỉnh/năm
2	Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật			Theo Thuyết minh dự án được duyệt

